

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2020/HS-ST

Ngày 09-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thái Dương.

Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 18/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: Lã Văn T; Sinh năm 1979; Nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lã Văn Th, sinh năm 1942 (chết năm 2012) và con bà: Triệu Thị Th, sinh năm 1939 (chết năm 2015); Có 06 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Có vợ: Sầm Thị H, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 10 ngày 14/5/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lã Văn T: Ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang.

(Có mặt)

2. Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo công văn số 23/CV-BQL ngày 22/5/2020 của Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già ông Giàng Văn V - Cán bộ.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt).

3. Người làm chứng: Anh Giàng A H; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút, ngày 27/02/2020 Công an xã M phối hợp với tổ Tuần rừng, tuần tra tại khu vực rừng đặc dụng thuộc thôn K, xã M, huyện B phát hiện Giàng A H đang có hành vi vận chuyển 01 cục gỗ nghiến (*dạng thót, gùi trên lưng*), H không xuất trình được giấy tờ hợp pháp liên quan đến việc vận chuyển cục gỗ. Qua đấu tranh H khai nhận đi vác gỗ thuê cho Lã Văn T, cục gỗ đang vận chuyển do T khai thác từ 01 cây gỗ nghiến ở khu rừng đặc dụng thôn K, cùng ngày Công an xã M đã chuyển vụ việc cho Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi tiếp nhận Hạt kiểm lâm rừng Đặc dụng Du Già tiến hành kiểm tra, xác minh xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, ngày 24/4/2020 Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già chuyển vụ việc đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để khởi tố vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra Lã Văn T khai nhận: Chiều ngày 25/02/2020, Lã Văn T gọi điện thoại cho Giàng A H, bảo H đi vác gỗ thuê cho Lã Văn T, qua điện thoại hai người thống nhất với nhau, H vận chuyển cho T một cục gỗ Nghiến dạng thót từ rừng về đến nhà thì Lã Văn T trả cho 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) H đồng ý. Khoảng 08 giờ, ngày 26/02/2020 như đã thống nhất Giàng A H đến nhà Lã Văn T rồi cả hai người cùng đi lên khu rừng đặc dụng thuộc địa phận thôn K, xã M, huyện B, trước khi đi T đưa cho H 01 chiếc ba lô vải màu xanh rêu, còn Tầm đem theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW-5900, màu đỏ đen, 01 bộ lam, xích, 02 chai nhựa loại chai 1,5 lít (*01 chai đựng xăng và 01 chai đựng dầu nhớt*), 01 chiếc đinh bằng kim loại, 01 đoạn dây dù dài khoảng 45cm, 01 thước bằng kim loại dài khoảng 50cm và 01 cục pin con thỏ dùng để bật mực đựng trong 01 chiếc ba lô màu xanh rêu. Đến cây gỗ Nghiến đã đổ và bị khai thác một phần từ trước, T lắp lam xích đỏ xăng vào máy cưa xong nỏ máy cắt ngang phần giữa thân cây cách phần đầu thân cây 4,05m, T cắt lấy được 03 cục có kích thước giống nhau, sau đó dùng đinh, dây dù vạch một đường tròn lấy đường kính khoảng 40cm, rồi lấy phần lõi pin tiểu bật mực đánh dấu, dùng máy cưa vo tròn thành dạng thót dài 20cm x đường kính 40cm và 45cm, trong lúc T cắt gỗ H ngồi đợi khi T cắt xong, vo tròn được cục nào thì H cho gỗ vào ba lô vận chuyển về đầu ở bìa rừng thuộc xóm K, đến chiều tối T cắt đầu máy cưa ở trên rừng, cầm 02 chai nhựa đựng xăng và dầu nhớt đi về nhà.

Sáng ngày 27/02/2020 Lã Văn T đem theo 02 chai nhựa đựng xăng và nhớt, Giàng A H đem theo chiếc ba lô hôm trước vận chuyển gỗ, hai người tiếp tục đi lên rừng đến vị trí cây gỗ nghiến đã khai thác hôm trước, đến nơi T tiếp tục dùng máy cưa cắt bỏ phần đầu thân cây cho bằng, rồi cắt phần đầu thân cây lấy 02 cục mỗi cục dài 20cm; đường kính 45cm dùng máy cưa vo tròn lại thành dạng thót, khi T vo tròn xong một cục H cho vào ba lô vận chuyển về trước, còn T tiếp tục dùng máy cưa vo tròn cục thứ hai xong dừng lại không khai thác nữa, tháo lam xích máy cưa cho vào ba lô mang về, còn các đồ vật dụng khác vứt tại hiện trường, do không cần sử dụng, khi H đang trên đường vận chuyển gỗ thì bị

Công an xã M và tổ Tuần rừng phát hiện thu giữ, chiều cùng ngày T về đến nhà gọi điện cho H lên chuyển nốt cục gỗ còn lại thì được biết H đã bị bắt.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/3/2020 xác định là rừng đặc dụng thuộc thôn K, xã M, huyện B. Tại hiện trường phát hiện 01 cây gỗ Nghiến nhóm IIA đã bị cưa đổ, phần thân cây đã bị xẻ một phần, tiến hành kiểm tra cụ thể:

Tại vị trí gốc cây gỗ Nghiến tọa độ trên máy định vị GPS là E: 00469554; N: 02516216, kích thước cao 0,80m x đường kính trung bình 0,80m đã bị cắt hạ, vết cắt cũ, khối lượng $0,402\text{m}^3$ (ký hiệu là G); từ gốc cây gỗ nghiến (ký hiệu G) về phía Đông - Nam 7,70m phát hiện 01 thân cây gỗ nghiến bị khai thác một phần (ký hiệu K1); Khúc 01 (ký hiệu K1 dài: 7,35m x đường kính trung bình: 84cm khối lượng: $4,073\text{m}^3$. Phần đầu K1 đã bị khai thác một phần dài 45cm); từ đầu K1 cách 4,05m về hướng ngọn cây phần thân cây đã bị khai thác một phần dài 2,92m; từ điểm cuối K1 đến điểm đầu K2 là 5,20m phần thân cây gỗ đã bị khai thác toàn bộ, K2 kích thước dài 1,60m; đường kính 73cm; kích thước thân K2 dài 1,60m x đường kính trung bình 73cm khối lượng: $0,670\text{m}^3$. Phần cuối của K2 có 02 cành và 02 nhánh cành:

+ Cành 1 dài 5,20m, đường kính 35cm (ký hiệu C1) có khối lượng: $0,50\text{m}^3$.

+ Cành 2 dài 3,50m, đường kính 45cm (ký hiệu C2) khối lượng: $0,557\text{m}^3$.

Nhánh cành 1 dài 5,20m, đường kính 37cm (ký hiệu NC1) khối lượng: $0,559\text{m}^3$.

Nhánh cành 2 dài 3,20m, đường kính 33cm (ký hiệu NC2) khối lượng: $0,274\text{m}^3$.

Ngoài ra kiểm tra tại khu vực thân cây phát hiện tại hiện trường có 05 cục gỗ nghiến dạng thớt, 05 cục gỗ Nghiến đã bị xẻ thành cục và 01 hộp gỗ Nghiến, qua khám nghiệm đã tạm giữ và đánh số ký hiệu lần lượt từ C1 đến C10; tổng khối lượng gỗ tròn cả gốc và thân cây còn lại tại hiện trường là $9,211\text{m}^3$.

Biên bản xác định hiện trường ngày 11/5/2020 Lã Văn T và Giàng A H chỉ dẫn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, các lời khai của Lã Văn T và lời khai của Giàng A H đều phù hợp với nhau.

Ngày 24/4/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện B có Công văn số 78/CV-CQĐT đề nghị Phòng tài nguyên & môi trường huyện B cung cấp: tại vị trí gốc cây Nghiến có tọa độ E:00469554; N:02516216 là rừng gì (Đặc dụng, phòng hộ hay rừng sản xuất), thuộc lô, khoảnh, tiểu khu nào, do cơ quan tổ chức cá nhân nào quản lý.

Phòng Tài nguyên & môi trường huyện B có Công văn số 09/TNMT, ngày 07/5/2020 xác định vị trí cây gỗ Nghiến trên thuộc lô 01, khoảnh 16, tiểu khu 129G, đối tượng là rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên núi đá, do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 20/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) cây gỗ Nghiến nhóm IIA đã bị cắt hạ, tổng khối lượng là: $9,211\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 69.082.500\text{đ}$.

- 01 (một) khúc cây gỗ nghiến nhóm IIA đã bị cắt hạ, tổng khối lượng là: $4,073\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 30.547.500\text{đ}$ đồng.

- 05 (năm) cục gỗ Nghiến nhóm IIA dạng thớt đã bị cắt hạ, tổng khối lượng là: $0,222\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ/m}^3 = 1.665.000\text{đồng}$.

Trong quá trình điều tra Lã Văn T khai cây gỗ Nghiến trên là do người khác cắt hạ từ trước, khi Lã Văn T đến khai thác thì phát hiện cây gỗ đã bị khai thác một phần, Lã Văn T chỉ khai thác 01 khúc (theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu K1 dài: 7,35m x đường kính trung bình: 84cm khối lượng: $4,073\text{m}^3$). Ngoài ra số còn lại không biết ai đã khai thác, do vậy theo nguyên tắc có lợi Lã Văn T chỉ chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng gỗ khai thác là $4,073\text{m}^3$, có trị giá 30.547.500đồng, trong đó số gỗ khai thác thành phẩm 05 cục dạng thớt khối lượng $0,222\text{m}^3$ trị giá 1.665.000đồng.

Tang vật cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA có khối lượng $9,211\text{m}^3$ đã bị khai thác một phần, còn lại tại hiện trường (01 gốc, 02 thân, 02 cành, 02 nhánh có ký hiệu G; K1, K2; C1, C2; NC1, NC2; 05 cục gỗ dạng thớt, 05 cục gỗ xẻ ba mặt ký hiệu C1 đến C10; 01 hộp gỗ nghiến ký hiệu H) tổng khối lượng là $8,009\text{m}^3$ gỗ tròn thuộc lô 01, khoảnh 16, tiêu khu 129G thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; 03 cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 40cm và 02 cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 45cm chưa qua sử dụng; 02 chiếc ba lô đã qua sử dụng; 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW – 5900, màu đỏ đen, 01 bộ lam xích máy cưa xăng dài 80cm màu trắng; 01 chiếc dũa bằng kim loại cán gỗ dài 27cm cả chuỗi đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động bàn phím số, hãng VIETTEL máy cũ đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại di động VIETTEL G4 số thuê bao 0393279542; 01 điện thoại nhãn hiệu D2. GoLy màu đen, loại đen trắng, đã qua sử dụng; 02 chai nhựa màu xanh, loại 1,5 lít, 01 chai có nắp màu trắng, 01 chai có nắp màu đỏ đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự mặt khai, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 16/6/2020 của VKSND huyện B truy tố Lã Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Lã Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lã Văn T từ 26 đến 28 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 56 tháng;

- Về hình phạt bổ sung: Không; Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng 9,211m³ bị khai thác một phần, còn lại hiện trường (01 gốc, 02 thân, 02 cành, 02 nhánh có ký hiệu G; K1, K2; C1, C2; NC1, NC2; 05 cục gỗ dạng thớt, 05 cục gỗ xẻ ba mặt có ký hiệu C1 đến C10; 01 hộp gỗ nghiêng ký hiệu H) tổng khối lượng là 8,009m³ gỗ tròn; 03 cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 40cm chưa qua sử dụng; 02 cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 45cm chưa qua sử dụng; 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW-5900, màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 bộ lam xích máy cưa xăng dài 80cm màu trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím số, hãng VIETTEL máy cũ đã qua sử dụng (điện thoại màu đen) và 01 sim điện thoại di động VIETTEL G4 số thuê bao 0393279542.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 chiếc ba màu rêu đã qua sử dụng; 01 chiếc dũa bằng kim loại tra cán gỗ dài 27cm cả chuôi, hình trụ đã qua sử dụng; 02 chai nhựa màu xanh, loại 1,5 lít, 01 chai nắp màu trắng, 01 chai nắp màu đỏ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lã Văn T đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét về nhân thân bị cáo chưa vi phạm lần nào, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế. Trong điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo rất ăn năn hối cải, tự nguyện khai báo trung thực, thành khẩn về hành vi phạm tội của mình và rất mong muốn nhận được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Mục đích phạm tội của bị cáo là khai thác gỗ về sử dụng làm ghế ngồi, không có mục đích buôn bán. Từ những lập luận trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lã Văn T 26 tháng tù cho hưởng án treo 52 tháng thử thách. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH bị cáo thuộc dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm; Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

Bị cáo; Đại diện nguyên đơn dân sự nhất trí với toàn bộ quan điểm kiểm sát viên và Trợ giúp viên pháp lý đề nghị, nên không có tranh luận với kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng anh Giàng A H đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 26 và ngày 27/02/2020 Lã Văn T có hành vi khai thác trái phép gỗ Nghiến nhóm IIA tổng khối lượng là $4,073\text{m}^3$ (trong đó gỗ đã khai thác thành phẩm dạng thớt là 05 cục, có 03 cục dày 20cm x đường kính 40cm; 02 cục dày 20cm x đường kính 45cm khối lượng quy tròn $0,222\text{m}^3$), và thỏa thuận thuê Giàng A H là người cùng thôn K vận chuyển mỗi cục 100.000đ. Vị trí khai thác gỗ thuộc lô 01, khoảnh 16, tiểu khu 129G (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt), chức năng rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên núi đá, do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 khúc cây gỗ nghiến nhóm IIA đã bị cắt hạ, tổng khối lượng $4,073\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 30.547.500\text{đ}$, trong đó 05 cục gỗ Nghiến nhóm IIA dạng thớt đã bị cắt khối lượng $0,222\text{m}^3 \times 7.500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 1.665.000\text{đ}$. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm e khoản 2 Điều 232 của BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo biết việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Huyện B hằng năm phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở đã có nhiều giải pháp quyết liệt để bảo vệ rừng, tuyên truyền đến thôn, nhưng việc khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp, ngày càng tinh vi hơn mà là điểm nóng. Bị cáo ngang nhiên khai thác, tận thu lâm sản trái pháp luật gỗ nghiến nhóm IIA là gỗ nằm trên rừng do người khác cắt hạ từ trước đã bị khai thác một phần, nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng gỗ trực tiếp tác động khai thác 01 khúc ký hiệu K1 dài 7,35m x đường kính trung bình 84cm, khối lượng $4,073\text{m}^3$ gỗ thuộc loài

nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA thuộc đối tượng là đất rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý. Bị cáo người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái quy định của pháp luật. Vì mục đích lợi ích cá nhân khai thác gỗ trái phép để sử dụng vào việc gia đình, bị cáo thuê Giàng A H vận chuyển gỗ về nhà thì bị tổ tuần rừng phát hiện thu giữ. Cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này bị cáo không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, sau khi sự việc xảy ra bị cáo tự giao nộp công cụ phạm tội cho Cơ quan chức năng để phục vụ cho công tác điều tra, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, bị cáo mong muốn hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Mặt khác bị cáo khai thác tận thu gỗ nằm mục đích sử dụng làm ghế ngồi chứ không để buôn bán kiếm lời. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[5] Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật hình sự.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 4 Điều 232 BLHS thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo thu nhập không ổn định, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10.1] Đối với 03 cục gỗ Nghiến (dạng thót) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 40cm và 02 cục gỗ Nghiến (dạng thót) nhóm IIA dày 20cm x đường kính 45cm chưa qua sử dụng tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Mê; 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA đã khai thác một phần, còn lại tại hiện trường (01 gốc, 02 thân, 02 cành, 02 nhánh có ký hiệu G; K1, K2; C1, C2; NC1, NC2; 05 cục gỗ dạng thót, 05 cục gỗ xẻ ba mặt có ký hiệu C1 đến C10; 01 hộp gỗ nghiến ký hiệu H) tổng khối lượng là 8,009m³; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím số, hãng VIETTEL kèm theo 01 sim điện thoại di động số thuê bao 0393279542 tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[10.2] Về công cụ phạm tội 02 chiếc ba lô; 01 chiếc dũa bằng kim tra cán gỗ dài 27cm, 02 chai nhựa màu xanh, loại 1,5 lít, 01 chai có nắp màu trắng, 01 chai có nắp màu đỏ không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[10.3] Đối với 01 chiếc đinh bằng kim loại, 01 đoạn dây dù, 01 thước bằng kim loại và 01 cục pin tiểu con thỏ bị cáo đã bỏ tại hiện trường, quá trình điều tra không thu được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Đối với Giàng A H bị cáo Lã Văn T thuê đi vận chuyển gỗ, không tham gia việc khai thác, số gỗ vận chuyển chưa đủ để xử lý hình sự, cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ kèm theo điện thoại nhãn hiệu D2. GoLy màu đen (máy đen trắng) của Giàng A H và đề nghị Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo Lã Văn T có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lã Văn T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lã Văn T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lã Văn T cho UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 (một) cây gỗ nghiêng nhóm IIA có khối lượng 9,211m³ đã bị khai thác một phần, còn lại tại hiện trường (01 gốc, 02 thân, 02 cành, 02 nhánh có ký hiệu G; K1, K2; C1, C2; NC1, NC2; 05 cục gỗ dạng thớt, 05 cục gỗ xẻ ba mặt có ký hiệu C1 đến C10; 01 hộp gỗ nghiêng ký hiệu H) có tổng khối lượng là 8,009m³ gỗ tròn, thuộc lô 01, khoanh 16, tiểu khu 129G thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; 03 (ba) cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA có kích thước: dày 20cm x đường kính 40cm và 02 (hai) cục gỗ Nghiến (dạng thớt) nhóm IIA có kích thước: dày 20cm x đường kính 45cm chưa qua sử dụng; 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW - 5900, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) bộ lam xích máy cưa xăng dài 80cm màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím số, hãng VIETTEL, số IME11: 864147036250748, số IME12: 864147036250755, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) sim điện thoại di động VIETTEL G4 số thuê bao 0393279542.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) chiếc ba lô bằng vải màu rêu có quai đeo đã rách, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc ba lô màu rêu đã bị rách, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc dũa bằng kim loại có tra cán gỗ dài 27cm cả chuôi, hình trụ có nhãn INIENSIVECUT-3/16-4,8mm đã qua sử dụng; 02 chai nhựa màu xanh, loại 1,5 lít, 01 chai có nắp màu trắng, 01 chai có nắp màu đỏ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lã Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lã Văn T, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện + tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp H;
- Phòng PV06 CA tỉnh H;
- Trại tạm giam CA tỉnh H;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo + Trung tâm TGPL H;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THAHS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công